TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TRẦN VĂN THỜI** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc Lập- Tự Do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 25/2020/HNGĐ-ST
Ngày 11-02-2020
V/v ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN VĂN THỜI, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Võ Minh Luân.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Duyên Văn Hiền.

2. Ông Nguyễn Vũ Bằng.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Phạm Tuyết Ngân - Thư ký Toà án nhân dân huyện Trần Văn Thời.

Trong ngày 11 tháng 02 năm 2020, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 701/2019/TLST-HNGĐ ngày 01/11/2019 về việc "Ly hôn" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 450/2019/QĐST-HNGĐ ngày 26 tháng 12 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà **Phan Thị H**, sinh năm 1974 (vắng mặt).
Địa chỉ: Ấp K, xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau
2. Bị đơn: Ông **Trần Văn V**, sinh năm 1976 (vắng mặt).
Địa chỉ: Ấp K, xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 31 tháng 10 năm 2019 nguyên đơn bà Phan Thị H trình bày:

Về hôn nhân: Bà Phan Thị H và ông Trần Văn V thành hôn với nhau năm 2004, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Khánh Hưng, huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau. Trong quá trình chung sống bà H và ông V phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, thường hay cải nhau. Bà H xác định vợ chồng không thể hàn gắn đoàn tụ nên yêu cầu được ly hôn với ông V.

Về con chung: Bà Phan Thị H và ông Trần Văn V có 03 con chung tên Trần Văn V, sinh năm 1993, Trần Thị N, sinh năm 1996, Trần Thị N, sinh năm 1997 đã trưởng thành, không yêu cầu xem xét.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà H xác định không có, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Trong quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập hợp lệ đối với ông Trần Văn V nhưng ông V vẫn vắng mặt và không gởi văn bản nêu ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định.

[1] Xét về thủ tục tố tụng: Bị đơn ông Trần Văn V có nơi cư trú tại huyện Trần Văn Thời, nguyên đơn bà Phan Thị H khởi kiện xin ly hôn với ông Trần Văn V nên Toà án nhân dân huyện Trần Văn Thời thụ lý giải quyết là đúng theo quy định tại Điều 28 và 35 của Bộ luật tố tụng dân sự. Tòa án đã triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai đối với ông Trần Văn V nhưng ông V vẫn vắng mặt tại phiên tòa. Ngày 04 tháng 02 năm 2020 bà H có đơn xin vắng mặt. Căn cứ vào khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Toà án tiến hành xét xử vắng mặt bà H, ông V là phù hợp với quy định.

[2] Xét về hôn nhân: Bà Phan Thị H và ông Trần Văn V thành hôn với nhau năm 2004, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Khánh Hưng, huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau. Được thể hiện tại Giấy chứng nhận kết hôn số 369 ngày 09 tháng 7 năm 2004 do Ủy ban nhân dân xã Khánh Hưng, huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau cấp. Như vậy quan hệ hôn nhân giữa bà Phan Thị H với ông Trần Văn V được xác định là hôn nhân hợp pháp có đăng ký kết hôn đúng quy định của pháp luật. Theo bà Phan Thị H trình bày trong quá trình chung sống bà H và ông V phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, thường hay cải nhau. Bà H xác định vợ chồng không có khả năng đoàn tụ và vẫn giữ yêu cầu được ly hôn với ông V. Xét thấy, tình trạng hôn nhân giữa bà H với ông V đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Căn cứ Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, yêu cầu ly hôn của bà H là có căn cứ nên được chấp nhận.

[3] Xét về con chung: Bà Phan Thị H và ông Trần Văn V có 03 con chung tên Trần Văn V, sinh năm 1993; Trần Thị N, sinh năm 1996; Trần Thị N, sinh năm 1997 đã trưởng thành không yêu cầu nên không xem xét.

[4] Xét về tài sản chung, nợ chung: Bà H xác định không có, không yêu cầu nên không xem xét.

[5] Xét về án phí: Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Nguyên đơn bà Phan Thị H phải chịu án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 28; Điều 35, Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 53, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số

326/2016/NQ-UBTVQH ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Phan Thị H, bà H được ly hôn với ông Trần Văn V.

Về án phí: Án phí hôn nhân và gia đình bà H phải chịu 300.000 đồng. bà H có nộp tạm ứng án phí là 300.000 đồng, theo biên lai thu tiền số 0002827 ngày 31/10/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau được chuyển thu đối trừ.

Án xử công khai nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai.

"Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7,7a,7b, 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự".

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKS cùng cấp;
- Chi cục THADS huyện TVT;
- UBND xã Khánh Hưng;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà
(Đã ký)

Võ Minh Luân